

KẾ HOẠCH

**Khám sức khỏe định kỳ cho gói khám sức khỏe đủ 18 tuổi trở lên
Đợt I trên địa bàn phường Long Hương năm 2026**

- I. MỤC TIÊU:** thực hiện khám theo yêu chỉ tiêu của Trạm Y tế phường Long Hương
1. Bảo đảm 100% người dân sinh sống tại phường được khám sức khỏe định kỳ miễn phí ít nhất 01 lần/năm.
 2. 100% kết quả khám, tầm soát bệnh mãn tính không lây nhiễm ở người cao tuổi được nhập đầy đủ, kịp thời trên Hệ thống quản lý sức khỏe cộng đồng
<https://quanlyskcd.medinet.org.vn/>
 3. Thanh toán được với UBND Phường Long Hương 100% chi phí theo hợp đồng KSK toàn dân giữa BVĐK Vạn Phước và UBND Phường Long Hương.
- II. ĐỐI TƯỢNG KHÁM:** Người đủ 18 tuổi trở lên theo hợp đồng KSK toàn dân phường Long Hương gồm các thành phần sau
1. Người cao tuổi.
 2. Người mắc bệnh mạn tính.
 3. Người lao động phi chính thức, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo (thường trú và có xác nhận qua VNEID).
 4. Phi địa giới hành chính.
- III. ĐỊA ĐIỂM KHÁM:**
1. Hoạt động khám sức khỏe định kỳ được tổ chức tại Bệnh viện đa khoa Vạn Phước.
 2. Các Điểm Y tế và Trụ sở Ban điều hành các Khu phố.
 3. Đối với người lớn tuổi, neo đơn, bệnh tật đi lại khó khăn thì có thể thực hiện khám sức khỏe định kỳ tại nhà
- IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN:** Bắt đầu từ ngày 15/07/2026 (lich thông báo theo tuần)
1. Khám tại BVĐK Vạn Phước: Tất cả các ngày làm việc của bệnh viện từ thứ 2 đến thứ 7 (sáng từ 7h30 – 11h30, chiều 13h-17h); chủ nhật: 7h30 – 11h30, buổi chiều nghỉ.
 2. Khám tại điểm trạm: lịch cụ thể sẽ thông báo mỗi tuần.
- V. SỐ LƯỢNG NGƯỜI KHÁM: 26.701 người**
1. Người lớn tuổi & lao động (Sinh năm 1967 - 2008): **22.387** người.
 2. Người khuyết tật: **233** người.
 3. Người cao tuổi (Từ 60 tuổi trở lên): **4.081** người
- VI. NỘI DUNG KSK MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI DÂN ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN:** bao gồm các nội dung theo TT 25/2026/TT-BYT
1. Khám tổng quát 7 chuyên khoa theo TT 25/2026 và đảm bảo tối thiểu 05 bác sĩ khám (theo 2 Mẫu giấy KSK đính kèm)
 2. Nếu là nữ khám thêm phụ lục XXV Thông tư 32/2023/TT-BYT.
 3. Xét nghiệm máu và nước tiểu:
 - Tổng phân tích tế bào máu.
 - Định lượng Glucose.



- Định lượng Creatinin máu.
- Đo hoạt độ ASAT (GOT).
- Đo hoạt độ ALAT (GPT).
- Xét nghiệm nước tiểu (Đường), Xét nghiệm nước tiểu (Protein).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng KHTH:

- Báo lịch KSK của BVĐK Vạn Phước thực hiện KSK miễn phí cho người dân trên địa bàn phường Long Hương về HCDC trước 17 giờ 00p thứ 6 hàng tuần theo link:
https://docs.google.com/spreadsheets/d/1GhQWOu0ACZITUYw10w5NRqZ9Ii6RkMYQouhJkjH_5gE/edit?gid=493134403#gid=493134403
- Phối hợp phòng TCKT-QTNS lên lịch KSK hàng tuần trước 17h thứ 6 mỗi tuần.
- Đề xuất nội dung về tài khoản “Quản lý sức khỏe cộng đồng” được mở song song với phần mềm HIS tại các máy tính của mỗi vị trí của quy trình KSK.
- Thiết lập quy trình KSK dán tại khu vực khoa Khám bệnh.
- Tập huấn nhân viên tại các vị trí KSK cập nhật thông tin và kết quả của từng vị trí lên trang “Quản lý sức khỏe cộng đồng” theo đúng hướng dẫn của Sở Y tế.
- Cung cấp biểu mẫu cho phòng P.TCKT-QTNS và Bộ phận IT: dự trù, in biểu mẫu để phục vụ công tác KSK.
- Hướng dẫn chuyên môn, biểu mẫu, quy trình tổ chức KSK tại bệnh viện và tại các điểm KSK ngoài bệnh viện.
- Theo dõi, giám sát tiến độ khám, tổng hợp số liệu, nhập liệu sau mỗi ngày khám. Tham mưu xử lý các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức khám sức khỏe. Báo cáo giám đốc về kết quả thực hiện trước 8g mỗi ngày.

2. Phòng TCKT-QTNS:

- Phối hợp phòng KTHT bố trí nhân sự chuẩn bị vật tư phân luồng bằng trụ cột, dây, in A4 dán để phân biệt khu khám bệnh và cấp cứu bệnh bình thường hàng ngày với khu KSK toàn dân (phối hợp với chuyên môn y tế là khoa Khám bệnh) tiếp nhận người dân. Phân công nhân sự như: bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên và nhân viên hỗ trợ tham gia KSK toàn dân. Cập nhật, gửi danh sách nhân sự tham gia KSK về phòng KHTH.
- Chịu trách nhiệm về hợp đồng, giá, thanh quyết toán hợp đồng KSK (thêm điều khoản hợp đồng về nội dung “*rác y tế như: kim tiêm, bông gòn, để lại địa điểm khám giải quyết xử lý*”)
- Dán băng rôn tuyên truyền quảng bá về hoạt động KSK định kỳ cho người dân phường Long Hương với nội dung “*Từ ngày 15 đến ngày 22 tháng 7, Vạn Phước Khám Sức Khỏe toàn dân phường long Hương nhưng không ảnh hưởng công tác khám chữa bệnh*”.
- Phân công nhân sự thực hiện thống kê, báo cáo số liệu khám mỗi ngày, báo cáo kết quả nhập liệu kết quả khám nhập liệu trên hệ thống Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng.



Bộ phận IT:

- Thực hiện cập nhật các biểu mẫu KSK lên phần mềm Viettel HIS (đã cập nhật).
- Kết nối dữ liệu KSK trên phần mềm HIS lên Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng (Đang thực hiện), nếu chưa chia sẻ được dữ liệu khám thì sau khi kết thúc khám bộ phận Văn thư sẽ in phiếu KSK và cập nhật dữ liệu lên Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng.

❖ **Bộ phận Văn Thư:**

- Cập nhật kết quả khám lên Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng trong 24 giờ sau khi kết thúc khám.
- In bản giấy KSK đầy đủ kết quả (khám, xét nghiệm, chụp X.Quang) để trả kết quả cho Trạm Y tế phường Long Hương, không cần dán hình người đến khám theo hợp đồng của phường.
- Thực hiện lưu trữ kết quả KSK theo quy định.
- Tổng hợp, báo cáo số lượng cập nhật kết quả KSK cho trưởng phòng TCKT-QTNS mỗi ngày.

3. Khoa Khám bệnh:

- Phân công nhân sự tập huấn về nội dung KSK định kỳ cho người dân trên địa bàn Phường Long Hương theo mẫu Người cao tuổi và cho người đủ 18 tuổi trở lên kèm theo Kế hoạch này và phân loại KSK theo Quyết định số 1613/QĐ-BYT ngày 15/08/1997.
- Rà soát, chuẩn bị đầy đủ các vị trí như:
 - o Nơi tiếp nhận người dân đến KSK: Bố trí khu vực tiếp đón, Hướng dẫn phân luồng người dân trong quá trình tham gia KSK nhằm mục tiêu phục vụ chu đáo, tránh bỏ sót và không làm ảnh hưởng đến khách hàng của bệnh viện đi khám phụ khoa hoặc khám thai; nhận trước ít nhất 24 giờ về danh sách và phiếu của người đến khám mỗi ngày.
 - o Các phòng khám của 7 chuyên khoa: Nội, Ngoại, Sản (thêm phụ lục XXV ban hành kèm theo TT32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023), Mắt, TMH, RHM, Da liễu.
- Dự trù vị trí chờ khám của người dân đến KSK nhằm mục tiêu phục vụ chu đáo, tránh bỏ sót và không làm ảnh hưởng đến khách hàng của bệnh viện đi khám phụ khoa hoặc khám thai.
- Rà soát, dự trù, bổ sung các: thiết bị, vật tư y tế (Mỏ vịt nhựa, que đè lưỡi, mỏ vịt, lam kính, bút chì, găng tay, đèn pin, giấy lót móng...).
- Thực hiện nhập, Cập nhật dữ liệu KSK trực tiếp ngay tại các vị trí KSK lên Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng trong thời gian thực hiện KSK.

4. Khoa Cận lâm sàng:

- Bố trí khu vực lấy mẫu máu, mẫu nước tiểu cho người dân đến KSK, nơi nhận mẫu máu, nước tiểu.
- Phân công nhân sự lấy mẫu máu thực hiện xét nghiệm, nhập liệu kết quả lên phần mềm HIS hoặc trên Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng.
- Dự trù dụng cụ lấy mẫu máu, nước tiểu, bông cotton, vật tư, hóa chất, băng cá nhân, bơm tiêm phục vụ kỹ thuật xét nghiệm máu và nước tiểu.
- Tổng hợp số liệu, báo cáo, cập nhật hệ lên Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng. Báo cáo Trưởng khoa kết quả thực hiện mỗi ngày, có sổ cập nhật báo cáo (ký xác nhận của Trưởng khoa).

5. Khoa Dược:

- Nhận dự trù từ các khoa/phòng/bộ phận dự trù trình Giám đốc phê duyệt.
- Đảm bảo cung ứng đủ, kịp thời các vật tư, hóa chất thực hiện công tác KSK.
- Tự dự trù mua sắm hóa chất KSK, vật tư y tế tiêu hao (ống nghiệm, bơm tiêm, thùng đựng vật sắc nhọn (lấy thùng nước lau sàn khoét lỗ khoảng 10 thùng/tuần và thùng carton...)).
- Dự trù đúng số lượng theo kế hoạch.

22630
ÔNG T
TNHH
IÊN ĐAI
PHUỐ
TP. HỒ C

Trên đây là triển khai thực hiện Khám sức khỏe định kỳ cho người dân của phường Long Hương. Đề nghị các khoa/phòng/bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản hồi ngay về phòng KHTH để được hướng dẫn kịp thời./.

(Đính kèm:

1. Quy trình KSK định kỳ tại điểm KSK;
2. Sơ đồ KSK định kỳ cho người từ 18 tuổi trở lên của phường Long Hương;
3. Mẫu số 03: Giấy KSK và KSK định kỳ dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên và Mẫu số 04: Giấy KSK định kỳ cho người cao tuổi)

Nơi nhận:

- GD BVĐKVP;
- Các khoa/phòng/bộ phận;
- Lưu: VT, KHTH;



Đối với người dân đến BVĐK Vạn Phước để KSK định kỳ

(Thực hiện tại quầy tiếp nhận): Nhân viên cơ sở khám sức khỏe tiếp nhận người dân và thực hiện các nội dung sau

1. Khai thác thông tin hành chính.
2. Đối chiếu thông tin “Mã đối tượng tham gia BHYT” để xác định đối tượng được hưởng chính sách khám sức khỏe miễn phí theo quy định.
3. Đối chiếu “Thông tin cư trú” trên ứng dụng VNeID để xác định đối tượng là công dân Việt Nam đang cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp có thông tin “nơi thường trú” và “nơi tạm trú” trên VNeID phải lấy địa chỉ “nơi tạm trú”.
4. Đối chiếu ảnh trên ứng VNeID hoặc căn cước công dân với người đến khám để bảo đảm đúng đối tượng được khám sức khỏe.

II. BƯỚC 2. TRA CỨU THÔNG TIN KHÁM SỨC KHỎE: tra cứu thông tin trên Nền tảng Quản lý sức khỏe cộng đồng để xác định tình trạng khám sức khỏe trong năm.

- 1. Trường hợp người dân đã có thông tin trên Nền tảng:**
- Kiểm tra tình trạng khám sức khỏe trong năm.
 - Nếu người dân đã được khám sức khỏe định kỳ trong năm thì hướng dẫn, giải thích để người dân không thực hiện khám trùng lặp.
 - Nếu người dân chưa được khám sức khỏe trong năm thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo của quy trình.

- 2. Trường hợp chưa có thông tin trên Nền tảng:**
- Nhân viên cơ sở khám sức khỏe cập nhật đầy đủ thông tin hành chính của người dân theo giấy mời, căn cước công dân, mã bảo hiểm y tế hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ.
 - Sau khi cập nhật thông tin, tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo của quy trình.

- 3. Bước 3. Khám lâm sàng và chỉ định cận lâm sàng cho người dân đủ 18 tuổi trở lên**

- Khám lâm sàng 7 chuyên khoa theo sơ đồ hướng dẫn KSK (đính kèm).

- #### 4. Bước 4. Thực hiện lấy mẫu xét nghiệm

- Xét nghiệm máu.
- Xét nghiệm nước tiểu.

- ### 5. Bước 5.Nhập và cập nhật dữ liệu khám sức khỏe:

Cập nhật đầy đủ kết quả khám sức khỏe, kết luận và thông tin quản lý sức khỏe của người dân lên Nền tảng quản lý sức khỏe cộng đồng theo đúng biểu mẫu quy định trong vòng 24 giờ kể từ khi hoàn thành khám sức khỏe.

- ## 6. Bước 6. Kết luận, tư vấn sức khỏe:

- Nếu có dấu hiệu nghi ngờ bệnh nặng, bác sĩ tại Điểm khám lập “Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.
- Sau khi có kết quả khám sức khỏe, người dân được lập hồ sơ quản lý sức khỏe, theo dõi định kỳ, nhắc lịch tái khám khi cần thiết và hồ sơ được cập nhật đầy đủ.



- Kết quả khám sức khỏe sẽ được gửi liên thông lên ứng dụng Công dân số của Thành phố trong thời gian từ 24 đến 48 giờ sau khi hoàn tất khám sức khỏe.

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO NGƯỜI CAO TUỔI

BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/SKSK-.....

Mẫu 04 – GIẤY KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO NGƯỜI CAO TUỔI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế)

THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

1. Họ và tên (viết chữ in hoa).....
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
3. Ngày tháng năm sinh.....
4. Dân tộc:.....
5. Nhóm máu (nếu có):.....
6. Số CCCD/Mã số định danh/Hộ chiếu¹: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
7. Số thẻ BHYT: ☐☐ - ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
8. Nơi ở hiện tại:
Xã, phường:
9. Nghề nghiệp:
10. Nơi làm việc, học tập:
Xã, phường:
11. Điện thoại di động:
12. Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

☐ Không

☐ Có, ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bệnh, tật của bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không?

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thủng бара	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não	☐	☐

¹ Đối với người sử dụng ngân sách nhà nước chỉ chấp nhận số định danh cá nhân hoặc căn cước công dân

					hoặc liệt		
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu, bia thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không?

☐ Không

☐ Có, (Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng):

.....
.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

☐ Không

☐ Có, (Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng):

.....
.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG - CHI TRẢ

Đối tượng (ghi số từ 1 đến 17 theo mã đối tượng tại phụ lục):

Nguồn chi trả

☐ Ngân sách nhà nước hỗ trợ

☐ Khám theo hợp đồng

☐ Khám phi địa giới

☐ Người dân tự chi trả

☐ Nguồn khác:

Địa điểm khám:

☐ CS KBCB

☐ Khám lưu động

☐ Trạm Y tế

☐ KSK tại nhà

KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE

B	TIỀN SỬ GIA ĐÌNH VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN SỨC KHỎE
B1	Trong gia đình, ông, bà, bố, mẹ, anh, chị em ruột có mắc các bệnh dưới đây không?
	☐ Không
	☐ Có
B1.1.	☐ Tim mạch sớm (nam < 55 tuổi, nữ < 65 tuổi)
B1.2.	☐ Tăng huyết áp
B1.3.	☐ Đái tháo đường
B1.4.	☐ Phổi tắc nghẽn mạn tính
B1.5.	☐ Hen phế quản/các bệnh dị ứng
B1.6.	☐ Trầm cảm, lo âu

B1.7.	☐ Ung thư		
C	KHÁM THỰC THỂ		
C1.	Chiều cao:cm	C4.	Mạch.....lần/phút
C2.	Cân nặng Hiện tại:Kg; 1 năm trước:Kg	C5.	Huyết áp TT:mmHg
		C6.	Huyết áp TTr:mmHg
C3.	Vòng bụng:.....cm	C7.	Nhịp thở:.....lần/phút
	Phân loại thể lực: ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V		
D	HỎI BỆNH VÀ KHÁM LÂM SÀNG		
D1	Ông, bà có đang hoặc đã từng mắc các bệnh dưới đây không? ☐ Không ☐ Có		
D1.1.	☐ Tăng huyết áp	CS KBCB đang điều trị:	
D1.2.	☐ Đái tháo đường	CS KBCB đang điều trị:	
D1.3.	☐ Phổi tắc nghẽn mạn tính	CS KBCB đang điều trị:	
D1.4.	☐ Hen phế quản	CS KBCB đang điều trị:	
D1.5.	☐ Ung thư	CS KBCB đang điều trị:	
D1.6.	☐ Suy tim	CS KBCB đang điều trị:	
D1.7.	☐ Thoái hoá khớp	CS KBCB đang điều trị:	
D1.8.	☐ Bệnh thận mạn	CS KBCB đang điều trị:	
D1.9.	☐ Bệnh tim thiếu máu cục bộ	CS KBCB đang điều trị:	
D1.10.	☐ Nhồi máu cơ tim		
D1.11.	☐ Đột quỵ		
D1.12.	☐ Trầm cảm	CS KBCB đang điều trị:	
D1.13.	☐ Rối loạn lo âu	CS KBCB đang điều trị:	
D1.14.	☐ Sa sút trí tuệ	CS KBCB đang điều trị:	
	☐ Khác:		
1	Nội khoa	Họ tên, chữ ký của bác sĩ	
D2	Tầm soát về bệnh đái tháo đường (Nếu D1.2 chọn "Có" thì bỏ qua phần D2. Nếu D1.2 chọn "Không" thì hỏi từ D2.1 đến D2.5). Ông, bà có các triệu chứng nào dưới đây không?		
D2.1.	Gần đây có cảm thấy mau đói, ăn nhiều lần trong ngày. ☐ Không ☐ Có		
D2.2.	Cảm thấy khát nước, uống nhiều nước (uống trên 3 lít/ 24 giờ). ☐ Không ☐ Có		
D2.3.	Đi tiểu nhiều lần trong ngày (bình thường 4-7 lần/24 giờ). ☐ Không ☐ Có		
D2.4.	Gần đây có thấy bị sụt cân nhiều (mặc quần áo rộng hơn trước). ☐ Không ☐ Có		
D2.5.	Xuất hiện những vết thương ngoài da khó lành. ☐ Không ☐ Có		
D3	Tầm soát về bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (Nếu D1.3 chọn "Có" thì bỏ qua phần D3. Nếu D1.3 chọn "Không" thì hỏi từ D3.1 đến D3.3). Ông, bà có các triệu chứng nào dưới đây không?		
D3.1.	Ho vài lần trong ngày ở hầu hết các ngày. ☐ Không ☐ Có		
D3.2.	Khạc đàm ở hầu hết các ngày. ☐ Không ☐ Có		
D3.3.	Dễ bị khó thở hơn những người cùng tuổi. ☐ Không ☐ Có		
D4	Tầm soát về bệnh hen phế quản (Nếu D1.4 chọn "Có" thì bỏ qua phần D4. Nếu D1.4 chọn "Không" thì tiếp tục hỏi từ D4.1 đến D4.8). Ông, bà có các triệu chứng nào dưới đây không?		

D4.1.	Xuất hiện những cơn khò khè/ thở rít hay những đợt khò khè, thở rít tái đi tái lại. [] Không [] Có	
D4.2.	Ho gây khó chịu lúc đêm khuya. [] Không [] Có	
D4.3.	Bị thức giấc vì cơn ho hay khó thở bất cứ khi nào. [] Không [] Có	
D4.4.	Ho, khò khè hay thở rít sau khi vận động thể lực (chạy, tập thể dục). [] Không [] Có	
D4.5.	Có vấn đề hô hấp vào mùa nhất định nào đó trong năm. [] Không [] Có	
D4.6.	Ho, khò khè hay nặng ngực khi hít phải chất kích thích trong không khí. [] Không [] Có	
D4.7.	Bị những đợt cảm lạnh “nhập vào phổi” HOẶC phải điều trị hơn mười ngày mới khỏi. [] Không [] Có	
D4.8.	Khi có những triệu chứng hô hấp, có cải thiện với điều trị hen thích hợp. [] Không [] Có	
D5	Tầm soát về bệnh ung thư <i>(Hiện tại, ông/bà có những dấu hiệu nào dưới đây không)?</i>	
D5.1.	Những vết loét trên cơ thể lâu lành. [] Không [] Có	
D5.2.	Ho dai dẳng hoặc khàn tiếng. [] Không [] Có	
D5.3.	Ăn không tiêu hoặc nuốt khó. [] Không [] Có	
D5.4.	Thay đổi thói quen của ruột và bàng quang (tiêu, tiểu nhiều lần hoặc tiêu chảy xen kẽ táo bón). [] Không [] Có	
D5.5.	Có một chỗ dày lên hoặc một cục u ở vú hoặc ở nơi nào đó trong cơ thể. [] Không [] Có	
D5.6.	Xuất hiện những nốt ruồi bị thay đổi về màu, hình ảnh, kích thước. [] Không [] Có	
D5.7.	Sờ thấy ở cổ, nách, bẹn có những hạch to không bình thường. [] Không [] Có	
D5.8.	Bị ù tai, nghẹt mũi kéo dài uống thuốc không giảm. [] Không [] Có	
D5.9.	Sụt cân, da xanh xao thiếu máu không rõ nguyên nhân. [] Không [] Có	
D5.10.	Chảy máu hoặc tiết dịch bất thường ở đầu vú. [] Không [] Có	
D5.11.	Bị chảy máu, dịch ra bất thường ở âm đạo (chỉ áp dụng đối với nữ). [] Không [] Có	
D6	Tầm soát rối loạn trầm cảm (Nếu D1.12 chọn “Có” thì bỏ qua phần D6. Nếu D1.12 chọn “Không” thì tiếp tục hỏi từ D6.1 đến D6.9). <i>Trong vòng 2 tuần vừa qua, có bao nhiêu lần ông, bà bị lo lắng buồn phiền vì những vấn đề được liệt kê dưới đây?</i>	
D6.1.	Ít hứng thú hoặc là không có niềm vui thích làm việc gì. [] Hầu như không [] Một vài ngày [] Hơn một nửa số ngày [] Gần như mọi ngày	
D6.2.	Cảm thấy chán nản kiệt sức, hay tuyệt vọng. [] Hầu như không [] Một vài ngày [] Hơn một nửa số ngày [] Gần như mọi ngày	

D6.3.	Khó ngủ, ngủ không lâu hoặc ngủ quá nhiều. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D6.4.	Cảm thấy mệt mỏi hoặc ít sức lực (ít năng lượng hoạt động). ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D6.5.	Cảm thấy ăn không ngon miệng hoặc ăn quá nhiều. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D6.6.	Cảm thấy mình tệ, cho rằng mình là người thất bại hoặc đã làm cho chính mình hay gia đình thất vọng. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D6.7.	Khó tập trung vào những việc như đọc sách, báo, hoặc xem tivi. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D6.8.	Đi đứng hoặc nói năng chậm chạp đến nỗi mọi người lưu ý. Hoặc ngược lại: quá bồn chồn, đứng ngồi không yên cho nên phải đi quanh quẩn nhiều hơn bình thường. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D6.9.	Có ý nghĩ làm điều gì đó gây đau đớn cho bản thân hoặc nghĩ rằng thả mình chết đi cho rồi. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D7	Tâm soát rối loạn lo âu (Nếu D1.13 chọn "Có" thì bỏ qua phần D7. Nếu D1.13 chọn "Không" thì tiếp tục hỏi từ D7.1 đến D7.7). Trong vòng 2 tuần vừa qua, ông bà có bao nhiêu lần bị lo lắng buồn phiền vì những vấn đề được liệt kê dưới đây?	
D7.1.	Cảm thấy căng thẳng, lo lắng hoặc bất an. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D7.2.	Cảm thấy không thể ngưng hoặc kiểm soát lo lắng. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D7.3.	Lo lắng quá mức về nhiều thứ. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	

D7.4.	Khó thư giãn. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D7.5.	Bứt rứt đến mức khó ngồi yên. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D7.6.	Trở nên dễ bực bội hoặc cáu kỉnh. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
D7.7.	Cảm thấy lo lắng như thể điều gì khủng khiếp có thể xảy ra. ☐ Hầu như không ☐ Một vài ngày ☐ Hơn một nửa số ngày ☐ Gần như mọi ngày	
	Kết luận chuyên khoa nội ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
2.	Ngoại khoa	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
3.	Da liễu	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
4.	Sân phụ khoa	
	Sản khoa ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Phụ khoa (đối với nữ phải kết luận khám sàng lọc ung thư cổ tử cung và ung thư vú theo TT32/2023/TT-BYT) ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
5.	Mắt Khám thị lực Không kính: MP MT Kính lỗ: MP MT Có kính: MP MT	Khám khúc xạ (nếu có) MP: độ cầu – độ trụ – trục MT: độ cầu – độ trụ – trục

	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
6.	Tai - Mũi - Họng <i>Kết quả khám thính lực:</i> Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
7.	Răng - Hàm - Mặt 18 17 16 15 14 13 12 11 21 22 23 24 25 26 27 28 Hàm trên Hàm dưới 48 47 46 45 44 43 42 41 31 32 33 34 35 36 37 38 <i>Tình trạng răng</i> 0: Bình thường 1: Sâu 2: Trám sâu lại 3: Trám tốt 4: Mất do sâu 5: Mất lý do khác 6: Bít hố rãnh 7: Trụ, cầu, implant 8: Chưa mọc 9: Loại trừ ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD..... Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
D8	Đánh giá thể chất, tinh thần, vận động	
D8.1	Các hoạt động sống cơ bản hàng ngày của ông, bà hiện nay như thế nào?	
D8.1.1.	Có thể tự tắm.	[] Không [] Có
D8.1.2.	Có thể tự mặc quần áo.	[] Không [] Có
D8.1.3.	Có thể tự đi vệ sinh.	[] Không [] Có
D8.1.4.	Có thể tự di chuyển ra khỏi giường.	[] Không [] Có
D8.1.5.	Có thể kiểm soát việc tiêu tiểu của mình.	[] Không [] Có
D8.1.6.	Ông/bà có thể tự ăn uống.	[] Không [] Có
D8.2	Các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của ông, bà hiện nay như thế nào?	
D8.2.1.	Có thể tự nghe được điện thoại.	[] Không [] Có
D8.2.2.	Có thể tự mua được tất cả vật dụng cần thiết của mình.	[] Không [] Có
D8.2.3.	Có thể tự nấu một bữa ăn hoàn chỉnh, từ dự tính món, sơ chế đến nấu chín.	[] Không [] Có
D8.2.4.	Có thể tự làm được tất cả các công việc nhà.	[] Không [] Có
D8.2.5.	Có thể tự giặt được quần áo cá nhân, những món đồ nhỏ như vớ, khăn nhỏ.	[] Không [] Có
D8.2.6.	Có thể tự lái xe hoặc tự bắt xe đi ra khỏi nhà.	[] Không [] Có
D8.2.7.	Có thể tự chia và tự lấy thuốc uống đúng liều và đúng cỡ.	[] Không [] Có
D8.2.8.	Có thể tự giữ tiền, quản lý tiền của mình.	[] Không [] Có
D8.3	Đánh giá tình trạng suy yếu	
D8.3.1.	Số lần cảm thấy mệt mỏi trong 4 tuần qua.	[] Tất cả mọi lúc/hầu hết thời gian [] Không/Một số lần
D8.3.2.	Có gặp khó khăn khi leo lên tiếp 10 bậc thang không nghỉ và không có sự trợ giúp.	[] Không [] Có

D8.3.4.	Có gặp khó khăn khi tự đi bộ vài trăm mét.	☐ Không ☐ Có
D8.4	Đánh giá nguy cơ té ngã	
D8.4.1.	Trong năm qua, có bị té.	☐ Không ☐ Có
D8.4.2.	Có lo sợ về việc bị té ngã.	☐ Không ☐ Có
D8.4.4.	Có cảm giác đi đứng không vững.	☐ Không ☐ Có
D8.5	Đánh giá mức độ giảm nhận thức - Nếu D1.14 chọn "Có" thì bỏ qua phần D8.5. - Nếu D1.14 chọn "Không" thì tiếp tục hỏi D8.5.1. + Nếu D8.5.1 trả lời "Có", tiếp tục D8.5.2, D8.5.3. + Nếu D8.5.1 trả lời "Không", bỏ qua D8.5.2, D8.5.3.	
D8.5.1.	Có thấy trí nhớ bị giảm.	☐ Không ☐ Có
D8.5.2.	Hãy ghi nhớ 3 từ sau: bông hoa, cánh cửa, cây lúa. Định hướng không gian, thời gian: Hôm nay là ngày mấy? (ngày, tháng, năm) và bây giờ ông/bà đang ở đâu? (nhà, trạm y tế,...). (Nếu trả lời không đúng cả hai câu: chọn "Không"; Nếu trả lời đúng cả hai câu, chọn "Có").	☐ Không ☐ Có
D8.5.3.	Hãy nhớ và nói lại ba từ đã nhớ lúc nãy. (Nếu không nhớ đủ ba từ: chọn "Không"; Nếu nhớ đủ ba từ, chọn "Có")	☐ Không ☐ Có

E. CẬN LÂM SÀNG

Nội dung: Cận lâm sàng thực hiện theo chỉ định của bác sĩ	Họ tên, chữ ký bác sĩ/CN XN
a) Kết quả Xét nghiệm máu: - Huyết học: Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi + Số lượng HC: M/ μ L + Huyết sắc tố: g/dL + Hematocrit: % + MCV: fL + MCH: pg + MCHC: g/dL + RDW: % + Số lượng bạch cầu: K/ μ L + Số lượng bạch cầu trung tính: K/ μ L + Số lượng bạch cầu lympho: K/ μ L + Số lượng bạch cầu đơn nhân: K/ μ L + Số lượng bạch cầu ái toan: K/ μ L + Số lượng bạch cầu ái kiềm: K/ μ L + Số lượng tiểu cầu: K/ μ L - Sinh hoá máu: + Đường máu: mmol/L + Creatinin: μ mol/L + ASAT(GOT): U/L + ALAT (GPT): U/L	
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động): + Tỷ trọng + pH + Bạch cầu: Leu/uL + Hồng cầu: Ery/uL + Nitrit: neg/pos + Protein: mg/dL + Glucose: mg/dL + Thử cetonic: mg/dL	

+ Bilirubin:	mg/dL	
+ Urobilinogen:mg/dL		
Khác (nếu có):.....		

c) Kết quả Chẩn đoán hình ảnh	
.....	
.....	
.....	
.....	
d) Kết quả Cận lâm sàng khác:	
.....	
.....	
.....	

F. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:

Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V

2. Các bệnh, tật (nếu có)

☐ Chưa phát hiện bất thường.

☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD.....

☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD.....

3. Đề nghị:

.....

Ngày tháng năm
NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE VÀ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ DÙNG CHO NGƯỜI TỪ
ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN**

BỆNH VIỆN ĐA KHOA VẠN PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/SKSK-.....

**Mẫu 03 - GIẤY KHÁM SỨC KHỎE VÀ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ DÙNG CHO NGƯỜI
TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế)

THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

1. Họ và tên (viết chữ in hoa).....
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
3. Ngày tháng năm sinh.....
4. Dân tộc:.....
5. Nhóm máu (nếu có):.....
6. Số CCCD/Mã số định danh/Hộ chiếu¹: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
7. Số thẻ BHYT: ☐☐ - ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
8. Nơi ở hiện tại:
- Xã, phường:
9. Nghề nghiệp:
10. Nơi làm việc, học tập:
- Xã, phường:
11. Điện thoại di động:.....
12. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

☐ Không

☐ Có, ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bệnh, tật của bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không?

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng	☐	☐

¹ Đối với người sử dụng ngân sách nhà nước chỉ chấp nhận số định danh cá nhân hoặc căn cước công dân

	van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)				thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu, bia thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không?

☐ Không

☐ Có. Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....
.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

☐ Không

☐ Có. Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....
.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG - CHI TRẢ

Đối tượng (ghi số từ 1 đến 17 theo mã đối tượng tại phụ lục):

Nguồn chi trả

☐ Ngân sách nhà nước hỗ trợ

☐ Khám theo hợp đồng

☐ Khám phi địa giới

☐ Người sử dụng lao động chi trả

☐ Người dân tự chi trả

☐ Nguồn khác:

Địa điểm khám: ☐ CS KBCB ☐ Khám lưu động ☐ Trạm Y tế ☐ Trường học ☐ KSK tại nhà

KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: cm;

Mạch: lần/phút;

- Cân nặng: kg;

Huyết áp: mmHg;

- Chỉ số BMI:

Nhịp thở: lần/phút;

- **Phân loại thể lực:**

☐ Loại I

☐ Loại II

☐ Loại III

☐ Loại IV

☐ Loại V

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung		Họ tên, chữ ký của bác sĩ
1.	Nội khoa	
	Tuần hoàn ☐ Chưa phát hiện bất thường. a) ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Hô hấp ☐ Chưa phát hiện bất thường. b) ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Tiêu hóa ☐ Chưa phát hiện bất thường. c) ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Thận-Tiết niệu ☐ Chưa phát hiện bất thường. d) ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Nội tiết ☐ Chưa phát hiện bất thường. đ) ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Cơ - xương - khớp ☐ Chưa phát hiện bất thường. e) ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Thần kinh ☐ Chưa phát hiện bất thường. g) ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Tâm thần ☐ Chưa phát hiện bất thường. h) ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	

2.	Ngoại khoa	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
3.	Da liễu	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
4.	Sân phụ khoa	
	Sân khoa ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Phụ khoa (đối với nữ phải kết luận khám sàng lọc ung thư cổ tử cung và ung thư vú theo TT32/2023/TT-BYT) ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
5.	Mắt <i>Khám thị lực</i> Không kính: MP MT Kính lỗ: MP MT Có kính: MP MT	<i>Khám khúc xạ (nếu có)</i> MP: độ cầu – độ trụ - trục MT: độ cầu – độ trụ - trục
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
6.	Tai - Mũi - Họng <i>Kết quả khám thính lực:</i> Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
7.	Răng - Hàm - Mặt	
	18 17 16 15 14 13 12 11 21 22 23 24 25 26 27 28 Hàm trên Hàm dưới 48 47 46 45 44 43 42 41 31 32 33 34 35 36 37 38 <i>Tình trạng răng</i> 0: Bình thường 1: Sâu 2: Trám sâu lại 3: Trám tốt 4: Mất do sâu 5: Mất lý do khác 6: Bít hổ rãnh 7: Trụ, cầu, implant 8: Chưa mọc 9: Loại trừ ☐ Chưa phát hiện bất thường.	

	☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD	
	☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD	
Phân loại	☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	

III. CẬN LÂM SÀNG

1. Khám phân loại sức khỏe để đi học, đi làm thực hiện cận lâm sàng sau:

Nội dung	Họ tên, chữ ký bác sĩ/CN XN
a) Xét nghiệm máu - Huyết học: Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi + Số lượng HC: M/μL + Huyết sắc tố: g/dL + Hematocrit: % + MCV: fL + MCH: pg + MCHC: g/dL + RDW: % + Số lượng bạch cầu: K/μL + Số lượng bạch cầu trung tính: K/μL + Số lượng bạch cầu lympho: K/μL + Số lượng bạch cầu đơn nhân: K/μL + Số lượng bạch cầu ái toan: K/μL + Số lượng bạch cầu ái kiềm: K/μL + Số lượng tiểu cầu: K/μL - Sinh hoá máu: + Đường máu: mmol/L + Urê: mmol/L + Creatinin: μmol/L + ASAT(GOT): U/L + ALAT (GPT): U/L	
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động): + Tỷ trọng + pH + Bạch cầu: Leu/uL + Hồng cầu: Ery/uL + Nitrit: neg/pos + Protein: mg/dL + Glucose: mg/dL + Thể ceton: mg/dL + Bilirubin: mg/dL + Urobilinogen: mg/dL - Khác (nếu có):	
c) Chẩn đoán hình ảnh (X-Quang tim phổi thẳng)	
d) Cận lâm sàng khác: ☐ Không ☐ Có. Nếu có, liệt kê kết quả chi tiết:	

2. Khám sức khỏe định kỳ

Nội dung	Họ tên, chữ ký bác sĩ/CN XN
1. Các xét nghiệm chỉ thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ khám sức khỏe:	
a) Kết quả xét nghiệm máu: - Huyết học: Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi + Số lượng HC: M/ μ L + Huyết sắc tố: g/dL + Hematocrit: % + MCV: fL + MCH: pg + MCHC: g/dL + RDW: % + Số lượng bạch cầu: K/ μ L + Số lượng bạch cầu trung tính: K/ μ L + Số lượng bạch cầu lympho: K/ μ L + Số lượng bạch cầu đơn nhân: K/ μ L + Số lượng bạch cầu ái toan: K/ μ L + Số lượng bạch cầu ái kiềm: K/ μ L + Số lượng tiểu cầu: K/ μ L - Sinh hoá máu: + Đường máu: mmol/L + Creatinin: μ mol/L + ASAT(GOT): U/L + ALAT (GPT): U/L	
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động): + Tỷ trọng + pH + Bạch cầu: Leu/uL + Hồng cầu: Ery/uL + Nitrit: neg/pos + Protein: mg/dL + Glucose: mg/dL + Thể ceton: mg/dL + Bilirubin: mg/dL + Urobilinogen: mg/dL Khác (nếu có):	
c) Kết quả Chẩn đoán hình ảnh	
d) Kết quả Cận lâm sàng khác:	
Riêng đối với nữ lao động phải thực hiện danh mục quy định tại Phụ lục XXV Thông tư số TT32/2023/TT-BYT (bắt buộc) - Xét nghiệm tế bào cổ tử cung/Xét nghiệm HPV (nếu có)	

.....	
.....	
.....	
- X-Quang nhũ/ Siêu âm 02 tuyến vú (nếu có)	
.....	
.....	
.....	

V. KẾT LUẬN

1. Tình trạng sức khỏe, mắc các bệnh, tật (nếu có)

- ☐ Chưa phát hiện bất thường.
☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD.....
☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD.....

2. Phân loại sức khỏe:

Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V

3. Đề nghị:

.....

.....

Ngày tháng năm
NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)